

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HC-PT
Ngày 20/01/2021

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, thuộc trường hợp xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại trong XLVPHC và cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

2/ Ông Chung Văn Kết

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Đặng Quốc Việt, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 452/2020/TLPT-HC ngày 10/8/2020, về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, thuộc trường hợp xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại trong XLVPHC và cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*”, giữa các bên đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Thiện H

Địa chỉ: 62 LQĐ, khu vực A, P.X, Tp.V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H:

Ông Trần Tấn T, cùng địa chỉ với ông H (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị kiện:

1/ Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện: Ông Nguyễn Văn D, Phó Giám đốc Sở XD tỉnh Hậu Giang (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Chủ tịch UBND Tp.V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D, Phó Chủ tịch UBND Tp.V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị Ngọc H

Địa chỉ: 62 LQĐ, khu vực A, P.B, Tp.V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền bà H: Ông Trần Tấn T (Có mặt)

Người kháng cáo: Ông Trần Thiện H là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn và lời khai của phía người khởi kiện ông Trần Thiện H trình bày:

Vào khoảng tháng 3 năm 2019 ông H có nhu cầu xây dựng 01 mái che nhằm để sử dụng chỗ để xe tải của gia đình ông.

Công trình của ông H gồm 04 cây sắt cặm 04 góc và lợp mái tole. Phần đất này của ông H là loại đất ODT, ông H đều thực hiện tốt nghĩa vụ đóng thuế nhiều năm. Khi xây dựng thì ông H không bị lập biên bản nên cho rằng địa phương đã cho phép ông xây dựng.

Sau đó, ông H nhận được Quyết định số 1923/QĐ- ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Thiện H. Không đồng ý với quyết định này nên ông H khiếu nại.

Đến ngày 19/9/2019 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 bác khiếu nại của ông Trần Tấn T được ông Trần Thiện H ủy quyền) lần đầu, sau đó ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27/11/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 2073/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của ông H.

Ngày 18/12/2019 Chủ tịch UBND thành phố V tiếp tục ban hành Quyết định 4109/QĐ-UBND về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ông H cho rằng UBND thành phố V xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H là không phù hợp, vì công trình mái che nhà xe của ông H diện tích nhỏ, theo quy định của pháp luật thì các công trình thuộc khu văn hóa, khu bảo tồn hoặc các công trình có thiết kế, cột mốc kiên cố thì mới phải xin giấy phép xây dựng, còn công trình của ông H chỉ là công trình chỉ tạm bợ, công trình đó không phải để ở mà để bảo vệ tài sản là chiếc xe tải, công trình không cố định, nên thuộc vào công trình không phải xin phép xây dựng. Phần đất này đã có công bố quy hoạch nhưng chưa có quyết định thu hồi đất đối với phần đất này nên ông H xây dựng là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND thành phố V căn cứ theo điểm a khoản 5 Điều 15 của Nghị định 139/2017/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 139) ngày 27/11/2017 của Chính phủ

thì không đúng, mức xử phạt áp dụng đối với ông H quá cao, theo ông H thì mức xử phạt từ 3.000.000đồng đến 5.000.000đồng là phù hợp.

Ông H nộp một số hình ảnh là nhà bà Lý Thị Hồng C cách nhà ông H 200m thì bà C có xây dựng nhà trên phần đất ruộng, không có giấy phép xây dựng nhưng vẫn không bị xử phạt, như vậy là không công bằng đối với ông H.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định sau:

Quyết định số 1923 ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Thiện H.

Quyết định số 2925 ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Tấn T (được ông Trần Thiện H ủy quyền) (lần đầu).

Quyết định số 2073 ngày 27/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thiện H (lần 2).

Quyết định 4109 ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Theo Văn bản và lời khai của phía người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V, Hậu Giang trình bày:

Khi phát hiện hành vi xây dựng của ông H là vào ngày 20/3/2019, thì chỉ dựng 04 cột tiền chế, đến ngày 22/3/2019 thì ông H dựng thêm 04 cây cột tiền chế, tổng cộng là 08 cây cột sắt.

Ngày 02/4/2019 kiểm tra lại hiện trạng thì ông H đã xây dựng khung cột sắt tiền chế, mái lợp tole, diện tích xây dựng là 3,8m x 10m cách vỉa đường Lê Quý Đôn vào 16,5m.

Ngày 25/6/2019 khi kiểm tra lại công trình lại thì tổng diện tích xây dựng 7,2m x 10m, cột sắt, mái tole, nền đá, không vách, vị trí xây dựng là cách vỉa đường Lê Quý Đôn là 16,5m, ông H xây dựng nhà để làm chỗ để xe, kho chứa rau củ.

Hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình khác (nhà để xe) không có giấy phép xây dựng của ông H, vi phạm vào điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ, mức phạt từ 10.000.000đồng đến 20.000.000đồng, mức phạt áp dụng đối với ông H số tiền 15.000.000đồng là phù hợp.

Công trình xây dựng của ông H tại khu đô thị thuộc đối tượng bắt buộc phải xin phép xây dựng theo quy định không thuộc trường hợp được miễn giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 89 của Luật xây dựng nên ông H phải buộc xin giấy

phép xây dựng. Trường hợp ông H đã tổ chức thi công không có giấy phép xây dựng được cấp thẩm quyền cấp là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 89 của Luật xây dựng.

Theo Văn bản và lời khai của phía người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang trình bày:

Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra thực tế tại vị trí xây dựng công trình của ông H, diện tích xây dựng ngang 7,9m x dài 9,8m, kết cấu cột thép tròn đường kính D60 (08 cây), cột gỗ tạp đường kính D60 (3 cây), kèo, xà gồ gỗ, mái lợp tole, nền rải đá 1x2, vách lưới B40 kết hợp lưới chống nắng và màng bao che lên đến mái, vị trí xây dựng cách trục đường Lê Quý Đôn là 16,5m.

Công trình xây dựng của ông H tại khu đô thị thuộc đối tượng bắt buộc phải xin phép xây dựng theo quy định không thuộc trường hợp được miễn giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 89 của Luật xây dựng. Trường hợp ông H đã tổ chức thi công không có giấy phép xây dựng được cấp thẩm quyền cấp là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 89 của Luật xây dựng. Theo hiện trạng thực tế xây dựng của ông H thì công trình của ông H không phải nhà ở riêng lẻ, nên việc Chủ tịch UBND thành phố V căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định 139 ngày 27/11/2017 của Chính phủ về hành vi “xây dựng công trình khác” của Chủ tịch UBND thành phố V là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc H trình bày: Bà thông nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2020/DSST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, đã tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện H về việc đòi hủy các Quyết định sau:

Quyết định số 1923/QĐ-XPVPHC ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V, về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Thiện H.

Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Tấn T (được ông Trần Thiện H ủy quyền) (lần đầu).

Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thiện H (lần 2).

Quyết định 4109/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V, về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Thiện H chịu số tiền 300.000đồng, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí HCST theo Biên lai tạm ứng án phí

số 0003306 ngày 09/01/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hậu Giang, như vậy ông H đã nộp xong án phí HCST.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/5/2020 ông Trần Thiện H là người khởi kiện làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của gia đình ông, đề nghị phúc xử lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía ông H.

Phía người bị kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Thiện H làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp, đối tượng giải quyết và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện H, thì vụ án có quan hệ tranh chấp về “*Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, thuộc trường hợp xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại trong XLVPHC và cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*”.

Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 115 Luật tố tụng Hành chính 2015; Luật xử lý vi phạm Hành chính 2012; Luật khiếu nại 2011; Khoản 1 Điều 89 Luật xây dựng; Nghị định 97/2017/NĐ-CP và Nghị định 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng đối tượng và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tổ tụng Hành chính 2015.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[3.1] Vào tháng 03/2019 do có nhu cầu xây dựng 1 mái che sử dụng làm chỗ để xe tải của gia đình, nên ông H có sử dụng các vật liệu gồm 8 cây sắt loại 90 để dựng 4 cột và lợp mái tôn, không có xin giấy phép xây dựng.

Trên phần đất này đã có công bố quy hoạch sử dụng đất, nhưng chưa có Quyết định thu hồi đất và chưa có Quyết định bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Theo ông H cho rằng, công trình này xây dựng này nhỏ, không phải để ở mà để bảo vệ tài sản, không kiên cố và cũng không có định, nên ông nghĩ rằng không cần phải xin pháp xây dựng. UBND đã căn cứ vào các quy định về xây dựng để xử phạt vi phạm và thực hiện việc cưỡng chế là chưa phù hợp.

Phía Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh và UBND tỉnh Hậu Giang thì cho rằng, việc xử phạt, giải quyết khiếu nại và cưỡng chế khôi phục tình trạng ban đầu là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng nội dung theo quy định của pháp luật.

Do không thống nhất đối với các căn cứ ban hành Quyết định hành chính, nên giữa các bên đương sự đã phát sinh tranh chấp.

[3.2] Xét thấy:

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng, quy định về đối tượng trong cấp giấy phép xây dựng như sau:

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công trình được miễn giấy phép xây dựng gồm:

a) Công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp và công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

b) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư.

c) Công trình xây dựng tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính.

d) Công trình xây dựng theo tuyến ngoài đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về hướng tuyến công trình.

d) Công trình xây dựng thuộc dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được thẩm định thiết kế xây dựng theo quy định của Luật này.

e) Nhà ở thuộc dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở có quy mô dưới 7 tầng và tổng diện tích sàn dưới 500 m² có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

g) Công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình.

h) Công trình sửa chữa, cải tạo làm thay đổi kiến trúc mặt ngoài không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc.

i) Công trình hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và ở khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn được duyệt.

k) Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn, trừ nhà ở riêng lẻ xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa.

l) Chủ đầu tư xây dựng công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại các điểm b, d, đ và i khoản này có trách nhiệm thông báo thời điểm khởi công xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến cơ quan quản lý xây dựng tại địa phương để theo dõi, lưu hồ sơ.

Theo điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ, quy định về mức tiền phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 20.000.000đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa hoặc xây dựng công trình khác không thuộc các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này.

b) Phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị.

c) Phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 50.000.000đồng đối với xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc lập dự án đầu tư xây dựng.

[3.2.2] Đối chiếu với trường hợp khởi kiện của ông H thì thấy, công trình nhà để xe của ông H tại khu đô thị, là công trình không thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng và thuộc đối tượng bắt buộc phải xin giấy phép xây dựng, được pháp luật quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng, như đã viện dẫn.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền phạt 15.000.000 đồng là phù hợp với điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ, như đã viện dẫn.

Sau đó, Chủ tịch UBND thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, không chấp nhận khiếu nại của ông H là phù hợp với Luật khiếu nại.

Sau khi giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố V, ban hành Quyết định cưỡng chế để khôi phục tình trạng ban đầu là đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Tại cấp phúc thẩm, phía ông H kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình do đó không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên phía ông H chịu án phí HCPT theo luật định.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thiện H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 3, 30, 32, 115 Luật tổ tụng Hành chính 2015.

Áp dụng Luật khiếu nại 2011.

Áp dụng Luật xử lý vi phạm Hành chính 2012.

Áp dụng khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng.

Áp dụng Nghị định 97/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP.

Áp dụng Nghị quyết về lệ phí án phí Tòa án.

Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện H về việc đòi hủy các Quyết định sau:

1.1/ Quyết định số 1923/QĐ-XPVPHC ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V, về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Thiện H.

1.2/ Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Tấn T (được ông Trần Thiện H ủy quyền) (lần đầu).

1.3/ Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thiện H (lần 2).

1.4/ Quyết định 4109/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V, về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Thiện H chịu số tiền 300.000đồng, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí HCST, theo Biên lai tạm ứng án phí số 0003306 ngày 09/01/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hậu Giang, như vậy ông H đã nộp xong án phí HCST.

3/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Thiện H chịu số tiền 300.000đồng, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo Biên lai tạm ứng án phí số 0004401 ngày 29/5/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hậu Giang, như vậy ông H đã nộp xong án phí HCPT.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.
- Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án; PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN